

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15/08/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		T.UNG	7:25	18	0		19	0	
2		BK9+BK14+RP2	7:25	8+10+4	0+0+0		5+6+5	0+0+0	
3		P7+P10+CTK3	7:25	2+3+17	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
4		PPD+TGTH1	7:25	13+5	0+0		12+7	0+0	
5		AMD+CNV+P3	9:25	15+6+1	0+0+0		11+6+3	0+0+0	Chuyen 1 AMD- CNV
6		PPD+TD5+P4	9:25	17+3+2	0+0+0		10+6+6	0+0+0	Chuyen 2 PPD- P4
7		HST+CTK3+BK20	11:25	4+18+0	0+0+0		4+15+3	0+0+0	
8		CTC1+BK9+CTK3	11:25	2+3+16	0+0+0		1+4+16	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 3 người đi PVD6 qua PPD, 1 người Bk10 về qua PPD, 1 người CLi về qua RP2,



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/08/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:45
FLIGHT: 01	TO: T.UNG	CREW: KIÊN - Nam	ETA: 11:00
TRANG-1 <i>A</i>			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN ĐẮC TÙY	T.UNG	64	1	3	40	62	PSV	Vietnamese
2	HỒ VĂN TINH	T.UNG	84	1	4		55	PSV	Vietnamese
3	LÊ VIỆT KHANG	T.UNG	85	1	4		68	PSV	Vietnamese
4	ZELENSKIY	T.UNG	86	1	8		82	KH-THAC	Russian
5	PHẠM HỒNG SƠN	T.UNG	95	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TRUNG DƯƠNG	T.UNG	500	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ DUY DŨNG	T.UNG	87	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH NAM	T.UNG	93	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
9	KIEU XUAN TAM	T.UNG	82	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN THỊ	T.UNG					70	KH-THAC	Vietnamese
11	TÔ HÙNG DŨNG	T.UNG	65	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH HAI	T.UNG	94	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN QUANG HÒA	T.UNG	83	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH TRÍ	T.UNG	92	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG THAI SƠN	T.UNG	99	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HUY DU	T.UNG	98	1	5		92	KH-THAC	Vietnamese
17	DU TRẦN HÙNG	T.UNG	96-97	2	12		79	KH-THAC	Vietnamese
18	LƯƠNG CÔNG ĐẠT	T.UNG	91	1	4	20	69	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	18	18	87	1.319	60	19		
TOTAL		18	18	87	1.319	60	19		
WEIGHT KG				87	1.319	60			

GRAND TOAL: 1.466 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/08/2022	TO: BK9 - BK14 - RP2	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: MTHAO - VThắng - Vũ	ETA: 09:10
XANH-1			

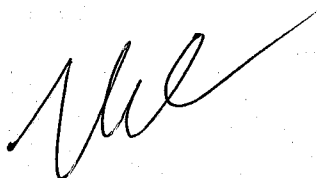
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DUONG CHI TUYEN	BK9	34	1	14		66	KH-THAC	Vietnamese
2	VU VAN TIEN	BK9	35	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
3	BAMBUIROV EGOR	BK9	36	1	2		103	KH-THAC	Russian
4	MIRSAYAPOV RUSLAN	BK9	32	1	4		106	KH-THAC	Russian
5	NGUYEN QUANG VINH	BK9					101	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN HUU TRUNG	BK9	37	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
7	VO THE HAU	BK9					75	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN TRUNG KIEN	BK9	33	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN NAM THAI	BK14	95,98	2	14	19	60	KH-THAC	Vietnamese
10	LE ANH TUAN	BK14	96	1	5		89	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN VAN CO	BK14	83	1	3		52	KH-THAC	Vietnamese
12	LE THANH HA	BK14	97	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VIET LONG	BK14	90-91	2	14		69	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN ANH TUAN	BK14	85	1	10		80	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN KHAC THINH	BK14	84	1	13		71	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAM VAN PHUC	BK14	87-88	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
17	TRAN THAI THANH	BK14	86	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
18	VU ANH MINH	BK14	89	1	8	32	75	T-TIN	Vietnamese
19	LE HUY MANH	RP2	49	1	10	25	80	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN THE HUY	RP2	50	1	10	18	81	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYEN VAN TIEN	RP2	51-52	2	14		76	CODIEN	Vietnamese
22	TRAN THE NAM	RP2	53	1	10		85	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	8	6	41	675	0	5		
2	BK14	10	13	101	703	51	6		
3	RP2	4	5	44	322	43	5		
TOTAL		22	24	186	1.700	94	16		
WEIGHT KG				186	1.700	94			

GRAND TOAL: 1.980 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





Thu 23 The



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/08/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: P7 - P10 - CTK3	CREW: HUNG - N.ANH - THU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU HOANG TAN	P7	48	1	15		65	KH-THAC	Vietnamese
2	VU DUC SANG	P7	49	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN HIEU	P10	48	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
4	LE DUC TOAN	P10	50	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGO DUC HAI	P10	49	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN ANH TUAN	CTK3					67	D-HANH	Vietnamese
7	NGUYEN ANH TUAN	CTK3	92	1	5		95	KH-THAC	Vietnamese
8	SMIRNOV S.S	CTK3	94	1	9		90	KH-THAC	Russian
9	BUI TIEN DUNG	CTK3	93	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HONG MINH	CTK3	98-99	2	7		50	SAN BAY	Vietnamese
11	KRAPIVKA VADIM	CTK3	91	1	5		75	KH-THAC	Russian
12	TRAN VAN CAN	CTK3	400	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
13	LE VAN LAM	CTK3	90	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TRONG HIEN	CTK3	95	1	5		70	HVJOC	Vietnamese
15	NGUYEN NINH BINH	CTK3	97	1	5		70	WOGC	Vietnamese
16	DO VAN TRI	CTK3	96	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN TUAN	CTK3	88-89	2	17		67	XLAP	Vietnamese
18	LE KHAC PHUONG	CTK3	86-87	2	17	70	67	XLAP	Vietnamese
19	NGUYEN BA THANH	CTK3	84-85	2	18		70	XLAP	Vietnamese
20	DINH QUANG SON	CTK3	81-82	2	18		55	XLAP	Vietnamese
21	CAO QUANG HUNG	CTK3	80	1	10		90	CODIEN	Vietnamese
22	THAN VAN KIEN	CTK3	83	1	12		70	XLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	2	2	27	130	0	0		NGUYEN MAI SON CTK3 01 DIEU PHAI GHE PHU
2	P10	3	3	15	198	0	0		
3	CTK3	17	21	146	1:197	70	22		
TOTAL		22	26	188	1.525	70	22		
WEIGHT KG				188	1.525	70			

GRAND TOAL: 1.783 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/08/2022	TO: PPD - TGTH1	AIRCRAFT: 610	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: ATUÁN - HLONG	ETA: 09:40
VANG-1			

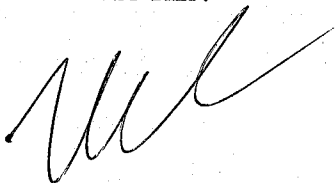
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ARTHIT PHUTTIPONSIT	PPD	27-29	3	20		82	DRESSER R	Thailand
2	ĐỖ DUY LỊCH	PPD	04	1	7	100	75	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ XUÂN MINH	PPD	01	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG KHÔI	PPD	07	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ SỸ KHOA	PPD	06	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN VINH	PPD	02	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN DANH TUẤN	PPD	31	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN VĂN THUẬN	PPD	30	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGÔ ĐỨC VỌNG	PPD					66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC CÚ	PPD	08	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH NAM	PPD	05	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGÔ SÁCH ĐỨC	PPD	32	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	PPD	03	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC NHÀ	TGTH1	24-25	2	12		54	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN DUY LAM	TGTH1	27	1	10		63	HLJOC	Vietnamese
16	THAI THANH THAO	TGTH1	26	1	9		71	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG VĂN GIANG	TGTH1	23	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ QUANG VIỆT	TGTH1	28	1	13		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

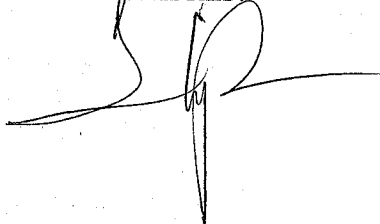
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	13	14	80	913	100	12		
2	TGTH1	5	6	50	332	0	7		
TOTAL		18	20	130	1.245	100	19		
WEIGHT KG				130	1.245	100			

GRAND TOAL: 1.475 KGS

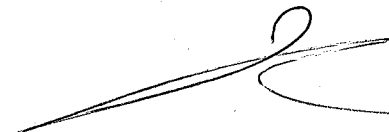
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/08/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	TO: AMD - CNV - P3	CREW: MTHAO - VThắng - Vũ	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN TUÂN	AMD	57	1	5	40	75	PSV	Vietnamese
2	EDDY RIDZUAN BIN MARZUKI	AMD	85-86	2	16		80	MI/VSP	Malaysian
3	NGUYEN TRUONG THO	AMD	83-84	2	14		66	TLJOC	Vietnamese
4	NGUYEN ANH DUY	AMD	59	1	11		60	KH-THAC	Vietnamese
5	YA LỘC	AMD	88-89	2	13		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN THUY	AMD	491	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN NGỌC PHÚC	AMD	500	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN QUANG LONG	AMD	91	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN LE HONG VU	AMD	99	1	10		62	TLJOC	Vietnamese
10	BUI SY QUYEN	AMD	90	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM TUAN ANH	AMD	92-93	2	7		69	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN ĐỨC HẬU	AMD	87	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐÀO CÔNG BÌNH	AMD	96-98	3	13		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN CÔNG DUNG	AMD	60,382	2	12		60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TRUNG HIỆU	AMD	94-95	2	12		68	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG ĐỨC HẠNH	CNV	98	1	5	40	65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TRỌNG MẠNH	CNV	93	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐINH VĂN SƠN	CNV	97	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN NGỌC TRI	CNV	94	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
20	PHÙNG VĂN KHANH	CNV	96	1	11		72	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ QUANG HẢI	CNV	95	1	22		75	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN TRUONG	P3	45	1	6	5	75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	15	23	159	1.033	40	1		CHUYEN 1 PAX AMD SANG CNV
2	CNV	6	6	54	422	40	6		
3	P3	1	1	6	75	5	3		
TOTAL		22	30	219	1.530	85	20		
WEIGHT KG				219	1.530	85			

GRAND TOTAL: 1.834 KGS

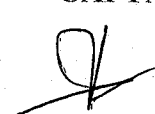
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/08/2022	TO: PPD - TD5 - P4	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:35
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: HUNG - N.ANH - THU	ETA: 11:15
CAM-2			

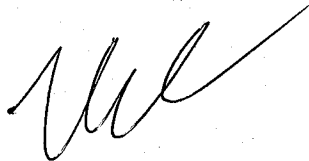
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN VAN DUONG	PPD					72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN HUY HOANG	PPD					90	KH-THAC	Vietnamese
3	TO QUANG HUY	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN SANG	PPD	19-20	2	7		65	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN MINH KHOA	PPD	18	1	4		76	KHI	Vietnamese
6	DUONG TRUONG LAM	PPD	21	1	5		65	KHI	Vietnamese
7	HOANG VAN CHUONG	PPD	09-10	2	10		67	KHI	Vietnamese
8	DO TRUNG THONG	PPD	05-06	2	10	20	70	KHI	Vietnamese
9	NGO VAN TRIEU	PPD	24	1	13	45	70	KHI	Vietnamese
10	LE VAN THANG	PPD	17	1	8		55	KHI	Vietnamese
11	VU VAN KHA	PPD	04	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
12	LE VAN QUAN	PPD	02-03	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TIEN	PPD	01,98	2	18		68	XAYLAP	Vietnamese
14	CHEKUROV ROMAN	PPD	16	1	10		90	XAYLAP	Russian
15	NGUYEN HONG SON	PPD	15-16	2	18		72	NHATHAU	Vietnamese
16	LE QUOC QUYNH	PPD	11-12	2	15		80	NHATHAU	Vietnamese
17	NGUYEN DUC THUA THIEN	PPD	07-08	2	18		70	NHATHAU	Vietnamese
18	NGUYEN TRUONG SINH	TD5	39	1	7		70	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN QUANG HOAN	TD5	40	1	18		82	DVL	Vietnamese
20	PHAM VAN DAM	TD5	38	1	15		68	DVL	Vietnamese
21	DOAN THANH CONG	P4	26,83	2	12	10	75	KHI	Vietnamese
22	LU SON	P4	34-35	2	14		74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	17	22	164	1.220	65	10	2	CHUYEN 2 PAX PPD SANG P4
2	TD5	3	3	40	220	0	6		
3	P4	2	4	26	149	10	6		
TOTAL		22	29	230	1.589	75	22		
WEIGHT KG				230	1.589	75			

GRAND TOAL: 1.894 KGS

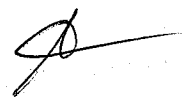
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/08/2022	TO: HST - CTK3 - BK20	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:30
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Hạnh - Mạnh - Toàn	ETA: 13:10
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN BA QUAN	HST	36,79	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
2	LE VAN PHANG	HST	81-82	2	8		63	KH-THAC	Vietnamese
3	VO TRUNG HIEU	HST	83	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
4	DOAN THANH MAI	HST	80	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI VAN BAC	CTK3				50	53	KH-THAC	Vietnamese
6	DOAN QUANG TUAN	CTK3	13-14	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐINH NHỎ HOANG	CTK3	17-18	2	12		85	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM CÔNG ƯỚC	CTK3	10	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẠO VIỆT HÙNG	CTK3	21-22	2	14		61	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THIEN TOAN	CTK3	01-02	2	13		67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN NAM	CTK3	06	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẠO ĐỨC THẮNG	CTK3	11	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN NGỌC HIỆP	CTK3	19	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
14	LY BANG	CTK3	09	1	12	13	80	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM NGỌC CHIẾN	CTK3	07	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN PHUC PHUONG	CTK3	08	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN HIEU TRUNG	CTK3	20	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG XUAN HIEU	CTK3	16	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN DUC HUNG	CTK3	12	1	7		43	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN CUONG	CTK3	05	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN DUY ANH	CTK3	15	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
22	CAO VAN DAU	CTK3	23	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HST	4	6	31	287	0	4		
2	CTK3	18	21	138	1.211	63	15		
3	BK20	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	27	169	1.498	63	22		
WEIGHT KG				169	1.498	63			

GRAND TOAL: 1.730 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN




FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/08/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:35
FLIGHT: 08	TO: CTC1 - BK9 - CTK3	CREW: Phong - XTruong - Huy	ETA: 13:15
DO-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TUÂN VŨ	CTC1	41-42	2	12	25	61	KH-THAC	Vietnamese
2	DUONG MINH KHANH	CTC1	40	1	12		59	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN QUOC QUAN	BK9	40	1	15	28	76	CODIEN	Vietnamese
4	TRAN ANH QUANG	BK9	38-39	2	15		76	CODIEN	Vietnamese
5	PHAM VAN ĐỨC	BK9				20	76	T-TIN	Vietnamese
6	ĐẠO THẾ HUNG	CTK3	67	1	11		71	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ VĂN BA	CTK3	68	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐÌNH QUANG HOAN	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN KHAC QUY	CTK3	69	1	12		66	XAYLAP	Vietnamese
10	TRAN NGOC ĐĂNG	CTK3	62	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
11	HA ĐỨC TUNG	CTK3	63	1	15		63	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ ĐÌNH PHÙNG	CTK3	72	1	15		78	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAM TUAN ANH	CTK3	65-66	2	15	12	45	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN VIET PHONG LƯU	CTK3	77-78	2	15		81	XAYLAP	Vietnamese
15	TRAN HONG THANH	CTK3	74	1	12		77	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN VAN AI	CTK3	73	1	11		52	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN HOANG TUNG	CTK3	71	1	12		82	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN KHAC THANG	CTK3	60-61	2	11		60	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG VIET HUNG	CTK3	70	1	15		69	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI MINH HAI	CTK3	75-76	2	15		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	2	3	24	120	25	1		
2	BK9	3	3	30	228	48	4		
3	CTK3	15	18	186	1.018	12	17		
TOTAL		20	24	240	1.366	85	22		
WEIGHT KG				240	1.366	85			

GRAND TOAL: 1.691 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

